TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C, TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/ HS - ST
Ngày: 26 - 06 - 2018

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẮC NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Hãnh
Các HTND: Ông Chu QuAg Hậu
Ông Nguyễn Đức Hùng

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị HoA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 26 tháng 06 năm 2018, tại hội trường thôn Đông Hương, thị trấn Thứa, huyện C, tỉnh Bắc Ninh Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa lưu động xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **LƯU VĂN A**, sinh năm: 1991

Nơi cư trú và ĐKHKTT: Thôn G, xã B, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 10/12 .
Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam
Con ông: Lưu Văn T và bà Đoàn Thị Đ .
Vợ: Bùi Thị Kim A và 01 con sinh năm 2015.
Tiền sự: Không,

* Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Qđã xử phạt Lưu Văn A 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời giA thử thách 18 tháng. Tại thời điểm A thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo chưa chấp hành xong thời giA thử thách.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 30 tháng 3 năm 2018 đến 28 tháng 5 năm 2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú" (Có mặt tại phiên tòa).

2. **VŨ VĂN LỢI**, sinh năm: 1986

Nơi cư trú và ĐKHKTT: Thôn Đ, xã B, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh,
Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12.
Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.
Con ông: Vũ Văn L và bà Đặng Thị G .
Vợ: Nguyễn Thị N và 03 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016
Tiền sự: Không.

* Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Qđã xử phạt Vũ Văn L 9 tháng tù nhưng cho hưởng

án treo, thời giA thử thách 18 tháng. Tại thời điểm L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo chưa chấp hành xong thời giA thử thách.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 02 tháng 4 năm 2018 đến 26 tháng 5 năm 2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú" (Có mặt tại phiên tòa).

** Người Bị hại:*

Bà Nguyễn Thị V , sinh năm: 1945 (Vắng mặt).

Ah Đỗ Văn Điều, sinh năm: 1976 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Nhị Trai, xã TX, huyện C, tỉnh Bắc Ninh.

** Người có quyền L và nghĩa vụ liên quA:*

Ông Lưu Văn T, sinh năm: 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã B, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Ông Vũ Văn L, sinh năm: 1952 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do giữa Lưu Văn A và Văn L có quen biết nhau từ trước nên sáng ngày 29/3/2018 khi A đưa con đi học thì gặp L ở cổng trường mầm non xã B, A đã rủ L cùng đi trộm cắp tài sản lấy tiền chi tiêu thì L đã đồng ý. Sau đó A và L đã điều khiển xe máy nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 29H5 - 1003, là xe của ông Lưu Văn T (bố đẻ của A) đi sAg địa phận huyện C mục đích để tìm xem có nhà nào sơ hở thì sẽ vào trộm cắp tài sản. Khi đi đến cửa hàng bán đồ dùng của ông Nguyễn Viết Lĩnh ở thôn H, xã P, huyện C L đứng chờ ở ngoài, còn A đi vào mua một chiếc xà cầy để sử dụng làm công cụ cậy phá. Sau khi mua được xà cầy, L và A đi lòng vòng quAh thôn H nhưng không trộm cắp được tài sản gì nên L và A đã đi về. Trên đường về A đã vứt chiếc xà cầy đi.

Đến khoảng 21 giờ ngày 29/3/2018, A gọi điện cho L tiếp tục rủ L sáng hôm sau cùng đi trộm cắp và L đã đồng ý. Đến khoảng 7 giờ 30 phút ngày 30/3/2018, A đi xe máy Dream, BKS 29H5-1003 đến đón L đi sAg địa phận huyện C. Khi đi đến địa phận thôn N, xã TX (cách cầu Nhị Trai khoảng 500m) thì A và L phát hiện thấy nhà Ah Đỗ Văn Đ sinh năm 1976 khóa cổng, khóa cửa, không có ai ở nhà. A và L bàn bạc sẽ vào nhà để trộm cắp tài sản. Sau đó L điều khiển xe chở A quay lại nhà ông Lĩnh ở H, xã P để mua một chiếc xà cầy làm công cụ phá cửa. Sau khi mua được xà cầy, L chở A quay lại nhà Ah Đ . Khi đó A và L cùng thống nhất là L sẽ đứng ngoài để cảnh giới, còn A sẽ vào trong nhà để lục tìm tài sản, nếu phát hiện có người L sẽ dùng điện thoại để gọi điện báo cho A, nếu lấy được tài sản thì sẽ chia đôi. Sau đó L đứng cách cổng nhà Ah Điều khoảng gần 200m để quA sát, cảnh giới, còn A trèo tường đi vòng phía sau nhà, dùng xà cầy bẻ gẫy chấn song cửa sổ bằng gỗ và chui vào bên trong. A đi vào phòng ngủ của bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1945 (là mẹ đẻ của Ah Điều) ở tầng một, mở tủ lục tìm tài sản. A phát hiện thấy ngăn kéo phía dưới bên trái tủ đựng quần áo có một chiếc hộp hình chữ nhật màu xám, bên

trong hộp hình vuông có 01 sợi dây chuyền bằng vàng có kiểu dáng các hạt hình chữ nhật, dẹt nối vào nhau; lồng vào sợi dây chuyền là 01 mặt hình trái tim, trên mặt hình trái tim có một con gà. Ngoài sợi dây chuyền A còn thấy có một chiếc nhẫn vàng, có đính đá màu đỏ. Toàn bộ số tài sản này bà V để trong chiếc túi bóng nhỏ cất trong chiếc hộp hình vuông. A lấy toàn bộ số vàng đó cất vào túi áo khoác trước ngực bên trái. Sau khi lấy được tài sản ở tầng một, A tiếp tục đi lên tầng hai để lục tìm tài sản. Sau đó A phát hiện ở phòng ngủ tầng hai của Ah Đ có 01 két sắt màu xAh ở góc nhà. A lật ngửa chiếc két sắt ra sàn nhà, dùng xà cầy để cậy phá két sắt, mục đích để lục tìm và lấy toàn bộ tài sản có trong két. A dùng đầu bẹt của chiếc xà cầy thúc mạnh hai lần vào khe cửa của két sắt. Khi A đAg phá két sắt nhưng chưa phá được thì A nghe thấy Tg xe ô tô đỗ ngay cổng. Đồng thời A nhận được điện thoại của L gọi đến từ thuê bao của L là 088838007 báo cho A theo số sim 09815611102 của A biết là chủ nhà về. Thấy vậy A không tiếp tục phá két sắt nữa mà bỏ chạy xuống tầng một và chạy ra ngoài đường để tẩu thoát. Trên đường chạy trốn, A đã vứt chiếc xà cầy đi nhưng không nhớ vứt ở đâu. Đồng thời A cũng làm rơi mất toàn bộ số vàng mà A đã trộm cắp được của bà V. Ngay sau khi A chạy khỏi nhà Ah Đ thì bị Ah Đ và quần chúng nhân dân phát hiện đuổi bắt giữ được A. Sau khi bị bắt A đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Còn L sau khi phát hiện Ah Đ về đã gọi điện báo cho A xong thì L phóng xe máy tẩu thoát. Sau khi tự nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đến ngày 02/4/2018, L đã đến Công A huyện C đầu thú và thành khẩn khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình.

Trong quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quA Cảnh sát điều tra đã kiểm tra két sắt của Ah Đ và xác định được tài sản trong két sắt của Ah Đ có 01 chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng , ký hiệu "Dung Hợi 9999" và 01 chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng có ký hiệu "TLJA.10K.Điều Lành". Cơ quA cảnh sát điều tra đã T hành niêm phong toàn bộ số kim loại màu vàng để trưng cầu giám định.

Tại bản kết luận giám định số 473/KLGĐ-PC 54 ngày 02/4/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công A tỉnh Bắc Ninh đã kết luận: 01 chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng , ký hiệu "Dung Hợi 9999", là kim loại màu vàng (Au), có trọng lượng 01 chỉ, hàm lượng vàng là 99,99%; 01 chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng có ký hiệu "TLJA.10K.Điều Lành", là kim loại màu vàng (Au), có trọng lượng 0,53 chỉ, hàm lượng vàng là 42,42%.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C đã kết luận giá trị tài sản của bị hại tại thời điểm ngày 30/3/2018, có giá trị như sau:

- 01 (một) dây chuyền vàng ta 02 (hai) chỉ, lồng vào dây chuyền có một mặt vàng, trên mặt có một con gà có giá trị là 02 (hai) chỉ x3.640.000đ/01 chỉ, có giá trị thành tiền là 7.280.000đ

- 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng vàng 01 (một) chỉ trên mặt nhẫn có đính đá màu đỏ có giá trị thành tiền là 1.500.000đ

- 01 (một) chỉ vàng 9999 (nhẫn trơn), ký hiệu "Dung Hợi" có giá trị thành tiền là 3.640.000đ

- 01 (một) nhẫn vàng, ký hiệu "TLJA.10K.Điều Lành", có trọng lượng 0,53 chỉ, hàm lượng vàng là 42,42% có giá trị là: 0,53 chỉ x 1.400.000đ/01 chỉ, thành tiền là 742.000đ.

Tổng giá trị tài sản là 13.162.000đ (mười ba triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng chẵn)

Tại bản cáo trạng số: 24/CTr - VKS - LT ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố các bị cáo Lưu Văn A và Vũ Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đọc lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Lưu Văn A và Vũ Văn L phạm tội: " Trộm cắp tài sản ", đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1Điều 52; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 56; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt Lưu Văn A từ 12 đến 15 tháng tù; tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù tại bản án số: 22/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là từ 21 Đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời giA đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2018 đến ngày 28/5/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 15; Điều 56; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Vũ Văn L từ 06 đến 09 tháng tù; tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù tại bản án số: 22/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời giA đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2016 đến ngày 16/01/2017 và từ ngày 02/4/2018 đến ngày 26/5/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo.

* Về tAg vật của vụ án: Áp dụng Điều 47; Điều 48 BLHS; Điều 106 BLTTHS. Cơ quA điều tra sau khi tạm giữ tài sản trộm cắp để phục vụ cho công tác điều tra đã trả lại cho người bị hại nguyên vẹn, nên không đặt ra xem xét.

Trả lại ông Lưu Văn T 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 29H5-1003.

Tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại mà các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại 01 điện thoại di động Iphone 7 màu vàng đã cũ thu giữ của A có lắp kèm theo và 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen đã cũ của L có lắp kèm theo.

* Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét do người bị hại, người có quyền L và nghĩa vụ liên quA không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét trong bản án này.

* Về án phí: Bị cáo Lưu Văn A và Vũ Văn L mỗi bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không trAh luận gì thêm chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Những người có quyền L, nghĩa vụ liên quA có mặt tại phiên tòa không trAh luận gì với đại diện VKS.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả trAh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trAh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, tAg vật thu giữ được, kết luận định giá, và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập đúng trình tự, quy định của pháp luật. Do vậy, đủ cơ sở để kết luận: Sáng ngày 30/3/2018, Lưu Văn A và Vũ Văn L đã L dụng lúc gia đình Ah Đỗ Văn Đ không có ai ở nhà để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. A và L đã thống nhất, A sẽ trực triếp vào nhà lục tìm tài sản, còn L đứng ngoài cảnh giới, số tài sản trộm cắp được sẽ chia đôi. Sau đó A trèo tường vào trong, dùng xà cầy bẻ gẫy chấn song cửa sổ chui vào trong nhà và trộm cắp được của bà Nguyễn Thị V (mẹ đẻ Ah Đỗ Văn Điều) 01 dây chuyền vàng có lồng hình trái tim, bên trên có hình con gà, tổng trọng lượng là 02 chỉ vàng và 01 nhẫn vàng tây có đính đá, có trọng lượng 01 chỉ để ở ngăn kéo tủ quần áo tầng một, (trị giá tài sản là 8.780.000đ). A tiếp tục đi lên tầng hai và phát hiện thấy có chiếc két sắt màu xAh. A lật ngửa chiếc két sắt ra sàn nhà, dùng xà cầy phá két sắt nhằm lục tìm tài sản và lấy toàn bộ tài sản trong két sắt. Khi đAg phá két thì L phát hiện thấy Ah Đ về nên gọi điện báo cho A. Vì vậy mà A không thực hiện được đến cùng hành vi trộm cắp tài sản trong két sắt. Khi đó tài sản trong két sắt của Ah Đ có 01 chỉ vàng trị giá 3.640.000đ và 01 nhẫn vàng tây trị giá 742.000đ. Tổng giá trị tài sản của bà V và Ah Đ là 13.162.000đ.

Như vậy lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Lưu Văn A và Vũ Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bị cáo A và L phạm tội trong thời giA thử thách của án treo nên theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự buộc hai bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Mặc dù A và L có sự rủ rê nhau thực hiện tội phạm, có chuẩn bị công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, HĐXX nhận định giữa hai bị cáo chưa có sự câu kết chặt chẽ với nhau, chưa có sự bàn bạc cụ thể, phân công,

phân nhiệm trong quá trình thực hiện tội phạm, đây là đồng phạm mAg tính chất giản đơn, không thuộc trường hợp phạm tội "có tổ chức".

Hành vi của A và L đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. L dụng sơ hở của người bị hại, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động, các bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi trộm cắp, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân trên địa bàn. Do vậy, cần thiết phải xử các bị cáo mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Bị cáo A là người giữ vai trò chính trong vụ án, là người thực hành tích cực, bị cáo đã trực tiếp gọi điện rủ rê L đi trộm cắp, dùng xà cầy phá cửa vào trong nhà lục lọi, tìm kiếm và chiếm đoạt tài sản. Do vậy A phải chịu mức hình phạt cao hơn so với L.

Bị cáo L là người thực hiện tội phạm với vai trò giúp sức, L cảnh giới và gọi điện thông báo cho A khi phát hiện có người về. Do vậy cần đánh giá vai trò cũng như tính chất, mức độ của hành vi phạm tội do L gây ra thấp hơn A. Hành vi của A phạm vào tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do vậy L phải chịu mức án thấp hơn so với A.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của hai bị cáo A và L thì thấy: A và L đều có 01 tiền án về tội Đánh bạc, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này của các bị cáo là "Tái phạm". Do vậy cần đánh giá A và L là người có ý thức coi thường pháp luật, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời giA nhất định để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ: Khi lượng hình HĐXX cũng xem xét cho cả hai bị cáo trước cơ quA điều tra và tại phiên tòa hôm nay đều có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân; hai bị cáo đều tác động gia đình bồi thường đầy đủ cho người bị hại, sau khi nhận được bồi thường người bị hại không yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo do vậy A và L được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo A có mẹ đẻ tham gia thAh niên xung phong trong chiến trAh biên giới năm 1978-1979. Do vậy HĐXX vận dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51của Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Sau khi vụ án bị phát hiện thì bị cáo L đã ra công A đầu thú; bản thân bị cáo đã có thời giA tham gia phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam; bị cáo L còn có ông nội là liệt sỹ chống Mỹ, bà nội tham gia kháng chiến và được tặng thưởng huy chương kháng chiến. Do vậy HĐXX vận dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51của Bộ luật hình sự cho bị cáo L.

Xét thấy cả hai bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với A và L là phù hợp.

Về bồi thường dân sự: Trong quá trình điều tra gia đình A đã tự nguyện bồi thường cho bà V số tiền là 8.000.000đ tương ứng với số vàng mà A đã trộm cắp được của bà V. Sau khi nhận được bồi thường bà V không có yêu cầu gì thêm về phần bồi thường dân sự.

Đối với số vàng trong két sắt của Ah Đ , do chưa bị mất, đồng thời sau khi định giá cơ quA Cảnh sát điều tra đã trao trả lại cho Ah Đ . Vì vậy Ah Đ cũng không có ý kiến gì về phần bồi thường dân sự nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Liên quA trong vụ án này có ông Lưu Văn T là bố đẻ của A đã trực tiếp bồi thường tiền cho bà V và ông Vũ Văn L là bố đẻ của L đã trả cho ông T 3.200.000 đồng bằng 40% số tiền ông T đã bỏ ra bồi thường cho bà V. Tuy nhiên ông T và ông L không yêu cầu các bị cáo phải bồi hoàn lại số tiền đã bỏ ra để bồi thường cho bị hại, do vậy HĐXX không đặt ra xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 29H5-1003 thu giữ của A. Qua điều tra xác định chiếc xe máy trên thuộc quyền sở hữu của ông Lưu Văn T là bố đẻ của A, khi cho A mượn xe máy thì ông không biết là A đã sử dụng chiếc xe đó làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản. Vì vậy HĐXX không xem xét xử lý với ông T và cần trả lại cho ông T chiếc xe máy trên là phù hợp.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu đen đã cũ có lắp kèm theo sim số: 0888380007 của L và 01 điện thoại di động Iphone 7 màu vàng đã cũ có lắp kèm theo sim số: 09815611102 của A dùng để làm công cụ liên lạc với nhau trong quá trình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần tịch thu điện thoại sung công quỹ Nhà nước và tịch thu tiêu hủy 02 chiếc sim điện thoại.

Đối với chiếc xà cầy A và L sử dụng làm công cụ cậy phá và số vàng của bà V mà A trộm cắp được và đã làm rơi mất, cơ quA Cảnh sát điều tra đã truy tìm nhưng không thấy nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Cũng tại phiên tòa HĐXX công bố biên bản ghi lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt của những người bị hại.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lưu Văn A và Vũ Văn L cùng phạm tội "***Trộm cắp tài sản***".

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 56; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lưu Văn A 11 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù tại bản án số: 22/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời giA đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2018 đến ngày 28/5/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 56; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn L 07 (Bẩy) tháng tù; tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù tại bản án số: 22/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời giA đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2016 đến ngày 16/01/2017 và từ ngày 02/4/2018 đến ngày 26/5/2018.

Áp dụng Điều 47; Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại ông Lưu Văn T 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda dream màu nâu, BKS 29H5-1003; số máy C100ME-8093078; số khung C100M-8093078.

Tịch thu tiêu hủy 02 sim có số điện thoại là: 0981561112 và số sim có số điện thoại là: 0888380007.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 7 màu vàng đã cũ và 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen đã cũ.

Toàn bộ vật chứng nêu trên được mô tả theo đúng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Áp dụng Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14: Các bị cáo Lưu Văn A và Vũ Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo, người có quyền L nghĩa vụ liên quA có mặt tại phiên tòa có quyền kháng áo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAD tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C (án có hiệu lực pháp luật);
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đức Hãnh

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Hãnh

Nơi nhận:
- TAD tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C (án có hiệu lực pháp luật);
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đức Hãnh

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Hãnh

Nơi nhận:
- TAD tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C (án có hiệu lực pháp luật);
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đức Hãnh

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Hãnh

Nơi nhận:
- TAD tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C (án có hiệu lực pháp luật);
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đức Hãnh